TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG Bản án số: 63/2019/DS-ST Ngày: 18-10-2019 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Hồng Nga

2. Bà Trần Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2019/TLST-DS ngày 21/5/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐXXST-DS ngày 17/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2019/QĐST-DS ngày 02/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1978; Thường trú: 32/2 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Tấn Tr, sinh năm 1994; Thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ liên hệ: Số 82, đường số 9 trung tâm hành chính thị xã D, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương và ông Phan Thúc Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: 26/11 khu phố T, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2019).

Ông Tr, ông Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị L1, sinh năm 1989; Thường trú: Số 17/12 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1984; Thường trú: Số 17/12 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Võ Tấn Tr trình bày:

Ngày 08/02/2019 bà Nguyễn Thị Thu L cho bà Đinh Thị L1 vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, lãi suất trả theo ngày do các bên thỏa thuận (thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng), trong thời hạn vay là 30 ngày (từ ngày 09/02/2019 đến ngày 10/3/2019), hình thức là giao tiền mặt. Khi cho vay, bà L1 không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà L. Toàn bộ nội dung được thể hiện tại giấy cho vay mượn tiền ngày 08/02/2019, có bà L và bà L1 cùng ký tên. Sau khi ký giấy, bà L1 đã nhận đủ tiền từ bà L.

Ngày 08/3/2019 bà Nguyễn Thị Thu L tiếp tục cho bà Đinh Thị L1 vay số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, lãi suất trả theo ngày do các bên thỏa thuận (thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng), trong thời hạn vay là 30 ngày (từ ngày 08/3/2019 đến ngày 08/4/2019), hình thức là giao tiền mặt. Trường hợp trả chậm sẽ tính lãi ngày trả chậm là: tiền gốc x 0,25%/ngày. Khi cho vay, bà L1 không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà L. Toàn bộ nội dung được thể hiện tại giấy cho vay mượn tiền ngày 08/3/2019, có bà L và bà L1 cùng ký tên. Sau khi ký giấy, bà L1 đã nhận đủ tiền từ bà L.

Tại thời điểm vay, bà L1 cung cấp cho bà L chứng minh nhân dân ghi nơi thường trú là ấp T, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, vì vậy bà L ghi nơi thường trú của bà L1 theo thông tin trên chứng minh nhân dân vào các giấy vay, thực tế lúc đó địa chỉ thường trú của bà L1 là 17/12 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Sau đó bà L có hỏi bà L1 thì bà L1 thừa nhận là do đã chuyển khẩu về Bình Dương nhưng chưa đổi thông tin trên chứng minh nhân dân. Trong các giấy vay, do nhầm lẫn nên bà L ghi nơi cấp chứng minh nhân dân của bà L1 là công an tỉnh Bình Dương mà thực tế là công an tỉnh Sóc Trăng cấp.

Mặt sau hai giấy vay tiền đều có ghi nội dung số tiền sẽ trả hàng ngày gồm gốc và lãi cho đến khi hết thời hạn vay, nhưng vì không thống nhất được nên 02 bên đã không thừa nhận phần thỏa thuận đó. Vì tin tưởng nhau nên hai bên thỏa thuận miệng lấy mức lãi suất 1,5%/tháng.

Sau khi nhận tiền từ bà L đối với cả hai khoản tiền, bà L1 đã không thực hiện theo đúng thỏa thuận giữa hai bên, không trả lãi và hết thời hạn vay cũng không trả được tiền gốc mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bà L1 không hợp tác.

Theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu bà L1 trả số tiền đã vay là 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại đơn yêu cầu ngày 18/6/2019, người đại diện của nguyên đơn là ông Võ Tấn Tr trình bày xác định khoản vay trên là phục vụ nhu cầu kinh doanh của vợ chồng bà L1 và ông Nguyễn Trọng T nên yêu cầu đưa ông Nguyễn Trọng T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đồng thời yêu cầu ông T có trách nhiệm trong việc trả nợ cho bà L.

Ngày 02/10/2019, người đại diện của nguyên đơn ông Tr có đơn xác định lại nội dung khởi kiện trong đó không yêu cầu ông T phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ bà L1 vay của bà L và yêu cầu cá nhân bà L1 chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L số tiền 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Đối với bị đơn bà Đinh Thị L1: đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà Đinh Thị L1 không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 25/6/2019, biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng đã trình bày: Ông và bà Đinh Thị L1 kết hôn vào năm 2008, đã ly hôn vào tháng 5/2019 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân thị xã D số 369/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30/5/2019. Trong thời gian hai vợ chồng chung sống, ông và bà L1 không cùng nhau đứng ra vay tiền của ai vì cuộc sống gia đình không khó khăn, thiếu thốn và cũng không cần mua sắm tài sản gì có giá trị lớn, thu nhập của ông T bình quân 01 tháng gần 20.000.000 đồng đủ trang trải trong gia đình. Việc bà L1 vay tiền của bà L thì ông T không biết, vì từ trước đến nay bà L1 cũng không đóng góp tiền vào chăm lo cho gia đình. Vì vậy, ông T cho rằng đây là khoản vay riêng của bà L1 nên ông không liên quan, không đồng ý tham gia tố tụng trong vụ án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ bản tự khai của ông Trương Như T1 là chồng của bà Nguyễn Thị Thu L trình bày: Số tiền mà bà L cho bà L1 vay ngày 08/02/2019 và 08/3/2019 là tiền riêng của bà L, ông không có đóng góp gì đối với tài sản trên. Do đó, Tòa án không đưa ông T1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về sự có mặt của các đương sự: Người đại diện của nguyên đơn là ông Võ Tấn Tr, ông Phan Thúc Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông

Nguyễn Trọng T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Đinh Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 02/10/2019, ngày 18/10/2019 nhưng bà L1 không đến. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Tr, ông Đ, ông T, bà L1.

[2] Về nội dung: Đại diện nguyên đơn xác định bà L đã cho bà Đinh Thị L1 vay tiền hai lần: Lần thứ nhất thể hiện tại Giấy cho vay mượn tiền lập ngày 08/02/2019 với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 09/02/2019 đến ngày 10/3/2019; lần thứ hai thể hiện tại Giấy cho vay mượn tiền lập ngày 08/3/2019 với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) thời hạn vay từ ngày 08/3/2019 đến ngày 08/4/2019, trường hợp trả chậm sẽ tính lãi ngày trả chậm là: tiền gốc x 0,25%/ngày. Nội dung hai giấy vay tiền ghi lãi suất trả theo ngày theo thỏa thuận. Việc vay tiền không thế chấp tài sản, có chữ ký của bà Đinh Thị L1. Biên bản được lập là bằng chứng xác nhận bên B (bà L1) đã nhận tiền của bên A (bà L). Tổng cộng số tiền bà L1 đã vay là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Quá trình vay tiền bà L1 chưa trả tiền nợ gốc cũng như nợ lãi. Như vậy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và nợ gốc, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay.

Về mức lãi suất cho vay, trong hai giấy vay đều không ghi mức lãi suất cụ thể. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn xác định hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng.

Trong đơn khởi kiện ngày 07/5/2019, nguyên đơn xác định địa chỉ của bị đơn là 17/12 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, giấy vay tiền ngày 08/02/2019 và giấy vay tiền ngày 08/3/2019 thể hiện địa chỉ của bị đơn là ấp T, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, tại văn bản ý kiến ngày 02/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng T (trước đây là chồng bà L1, đã ly hôn vào tháng 05/2019 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân thị xã D số 369/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30/5/2019) trình bày: Trước đây bà Nguyễn Thị L1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp T, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, khi kết hôn với ông thì nhập hộ khẩu về địa chỉ 17/12 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương nhưng chưa làm thủ tục cấp đổi chứng minh nhân dân nên trên chứng minh nhân dân vẫn thể hiện địa chỉ tại Sóc Trăng. Vì vậy có căn cứ khẳng định bà Nguyễn Thị L1 có địa chỉ như trong giấy vay tiền và bà Nguyễn Thị L1 có địa chỉ 17/12 khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo đơn khởi kiện là 01 người.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà Đinh Thị L1 chịu trách nhiệm trả nợ. Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu ông Nguyễn Trọng T (trước đây là chồng bà L1) cùng chịu trách nhiệm đối với khoản vay này. Tại đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện đề ngày 02/10/2019, đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà Đinh Thị L1 thanh toán khoản nợ 350.000.000 đồng cho bà L, không yêu cầu ông Nguyễn Trọng T có trách nhiệm đối với khoản vay này. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên chấp nhận.

[3] Xét thấy quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt và không xuất trình được chứng cứ gì về số tiền nợ cũng như không có bất kỳ ý kiến nào về việc không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các giấy tờ là của bị đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền đã cho vay, xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 144, 147, 227, 228, 229, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L đối với bị đơn bà Đinh Thị L1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Đinh Thị L1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày 19/10/2019 cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị L1 phải chịu 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0028601 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự (3);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Dung